

Phụ lục XIV

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỊNH BIÊN AN TOÀN TỐI THIỂU TÀU BIỂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT ngày 21 tháng 02 năm 2020

của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỊNH BIÊN AN TOÀN TỐI THIỂU TÀU BIỂN

MINIMUM SAFE MANNING CERTIFICATE

Cấp theo quy định của Quy tắc 14 Chương V SOLAS 74 và các sửa đổi

Issued under the provisions of Regulation 14 of Chapter V of the SOLAS 74 as amended,

... (Tên cơ quan đăng ký tàu biển)..... chứng nhận:

... (The ship registration office) certifies:

Tên tàu (Ship's
Name).....

Hồ hiệu (Call
Sign).....

Loại tàu (Type of
ship).....

Số IMO (IMO
number).....

Tổng dung tích (Gross
Tonnage).....

Nơi đăng ký (Place of
Registry).....

Vùng hoạt động (Trading
Area).....

Công suất máy chính (Main Propulsion
Power).....

Buồng máy không được trực ca thường xuyên (Periodically unattended machinery space):
đúng/không đúng

(yes/no).....

Doanh nghiệp quản lý, khai thác (Operating Company):.....

Tàu biển có tên trong Giấy chứng nhận này được xem xét bố trí định biên an toàn, bất kể khi nào tàu hành trình ra biển đều phải bố trí không được ít hơn số lượng chức danh và trình độ chuyên môn được chỉ ra ở bảng dưới đây:

The ship named in this Certificate is considered to be safely maned if, whenever she proceeds to sea, she carries not less than the number and grades/capacities of personnel specified in the table below:

Chức danh (Grade/Capacity)	GCKNKM (STCW Reg.) Hạn chế (nếu có) Limitation applyin (If any)	Số lượng (Number)	Chức danh (Grade/ Capacity)	GCKNKM (STCW Reg.) Hạn chế (nếu có) Limitation applyin (If any)	Số lượng (Number)
Thuyền trưởng (Master)			Máy trưởng (Chief Engineer)		
Đại phó (Chief Officer)			Máy hai (Second Engineer)		
Sỹ quan boong (Deck Officer)			Sỹ quan máy (Engine Officer)		
Thủy thủ trực ca AB (Able Seafarer Deck Rating)			Thợ máy trực ca AB (Able Seafarer Engine Rating)		
Thủy thủ trực ca OS (ratings forming part of a navigational watch)			Thợ máy trực ca Oiler ratings forming part of an engine-room watch)		

Sỹ quan TTVT hoặc Sỹ quan boong có G.O.C (Radio Officer or Deck Officer holding G.O.C)					
--	--	--	--	--	--

Ghi chú
(Remark):.....
.....

Giấy chứng nhận này có giá trị theo Giấy chứng nhận Đăng ký tàu. *Khi thông tin về doanh nghiệp quản lý, khai thác thay đổi, giấy chứng nhận này phải được cấp lại.*

This Certificate is subject to the validity of the Ship's Certificate of Registry. When information on management and operation company changes, this certificate must be re-issued.

Cấp tại, ngày

Issued at

Date

Số:...../ĐKTĐ.

N₀

Nguồn: Thông tư 03/2020/TT-BGVT